

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Số: 16/2019/DS-PT
Ngày 25 - 02 - 2019
V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản và gửi giữ tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tùng

Các Thẩm phán: Ông Văn Công Dân.

Bà Lưu Thị Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 25/02/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đưa ra xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 164/2018/DS-PT ngày 10/12/2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và gửi giữ tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 77/2018/DS - ST ngày 30/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 11/2019/QĐ-PT ngày 07/01/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2019/QĐPT ngày 23/01/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị H; địa chỉ: 1XX đường B, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Mai Thị Ngọc A; địa chỉ: 5X đường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi cho bà Võ Thị H: Ông Đặng Ngọc H - Luật sư - Văn phòng Luật sư T. Vắng mặt.

Bị đơn: Bà Lê Thị T; địa chỉ: 2XX đường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà Phạm Thị T - Văn phòng Luật sư M - Đoàn Luật Sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: 1xx đường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Bạch Thanh K và chị Văn Thị T; địa chỉ: 111 Đường B, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Lê Thị T.
- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1] Trong đơn khởi kiện ngày 21/8/2017 và cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị H - Người đại diện theo ủy bà Mai Thị Ngọc A, trình bày:

Bà Võ Thị H với bà Lê Thị T trước đây là bạn hàng mua bán làm ăn với nhau.

Ngày 10/12/2016, bà Lê Thị T có vay của bà Võ Thị H số tiền 400.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng/1triệu, không thời hạn, khi vay bà T có ký sổ cho bà H.

Ngày 05/01/2017, bà T vay tiếp của bà H số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng với thời hạn 10 ngày (thỏa thuận bằng miệng), khi vay bà T có ký sổ cho bà H.

Tổng số tiền bà T vay của bà H là 700.000.000 đồng, bà T hẹn bà H 10 ngày sau sẽ thanh toán hết kể từ ngày 05/01/2017.

Đến ngày 09/01/2017, bà T có bán cho bà H số lượng cà phê nhân xô 1.506 kg x 44.600 đồng/kg thành tiền 67.167.000 đồng, bà H khấu trừ vào số nợ là 67.000.000 đồng. Tính đến ngày 27/12/2018, bà T còn nợ bà H số tiền 633.000 đồng. Đối với số tiền 67.000.000 đồng do bà T bán cà phê cho bà H, việc bán cà phê mỗi bên có một sổ theo dõi khi có ký nhận, khi không ký nhận, chỉ có khi nào vay mượn thì mới ký sổ. Do vậy, tại giấy vay tiền ngày 05/01/2017, thể hiện bà T trả 67.000.000 đồng, nhưng không có chữ ký của bà T.

- Ngày 25/02/2017, bà T thanh toán 10.000.000 đồng (lãi) do anh Bạch Thanh K (con trai bà H nhận), có ký nhận.

- Ngày 06/5/2017, bà T thanh toán cho bà H số tiền 10.000.000 đồng tiền (lãi).

- Ngày 18/5/2017, bà T thanh toán cho bà H nhận 10.000.000 đồng tiền (lãi).

- Không nhớ ngày tháng nhưng gần cuối năm 2017, bà T thanh toán cho bà H số tiền 10.000.000 đồng (lãi)

Như vậy, tính đến ngày hôm nay bà T thanh toán cho bà H số tiền 40.000.000 đồng (lãi), chứ không phải 20.000.000 đồng tiền gốc và 20.000.000 đồng tiền lãi, như bà T khai.

- Theo lời khai của bà T cho rằng số tiền thanh toán ngày 25/02/2017 do anh K (con bà H) nhận và số tiền bà H nhận không có ngày tháng là trừ vào tiền gốc, như vậy không đúng. Toàn bộ số tiền nhận mỗi lần nói trên là tiền lãi chứ không phải có cả gốc và lãi, bởi vì thanh toán tiền gốc thì được ghi vào giấy mượn tiền để khấu trừ.

- Theo đơn phản tố của bà T, thì bà H còn nợ bà T một số lượng cà phê nhân xô, cụ thể:

- Ngày 25/6/2013, anh Bạch Thanh K (con trai bà H) nhận của bà T số lượng 5.158 kg cà phê nhân xô;

- Ngày 25/5/2014, anh Bạch Thanh K (con trai bà H) nhận của bà T số lượng 2.995kg cà phê nhân xô.

- Ngày 25/10/2014, anh Bạch Thanh K (con trai bà H) nhận của bà T số lượng 2.120 kg cà phê nhân xô và 746 kg cà phê 7ly1.

Tuy nhiên, ngày 15/7/2015, bà T có giao cho bà H số lượng 4.686 kg cà phê nhân xô, ngày 22/7/2015, bà T bán 2.000 kg, đến ngày 25/7/2015 bà T cắt bán hết toàn bộ số lượng cà phê đang gửi tại đại lý bà H từ trước đến nay.

- Ngày 26/7/2015, anh Bạch Thanh K (con trai bà H) nhận của bà T số lượng 5.521,8 kg cà phê nhân (Chưa quy chuẩn), quy chuẩn còn lại 5.463,8 kg cà phê quy chuẩn. Số lượng này bà T đã bán cho bà H số lượng, cụ thể: Ngày 27/7/2015 bán 500 kg (N con bà T nhận tiền), cũng trong ngày bà T bán tiếp 500 kg (cả hai lần con bà T là N nhận tiền) và ngày 28/7/2015, bà T bán tiếp 300 kg, cũng trong ngày bà T bán tiếp 2.000 kg; ngày 02/8/2015 bà T bán tiếp 363,8 kg (tất cả các lần này lấy tiền bà T đều không ký sổ). Số cà phê nhân xô còn lại tuy thể hiện trên sổ sách nhưng bà T đã bán, vì bà T có mượn tiền của bà H và những ngày tiếp theo vẫn giao dịch ứng tiền trả cà phê bình thường. Việc bà T cho rằng số lượng gửi cà phê ngày 26/7/2015 còn 4.221,8 kg là không đúng.

- Ngày 21/3/2016, Văn Thị T (con dâu bà H) nhận của bà T số lượng 2.241,4 kg cà phê nhân xô x 30.700 = 68.810.000, số lượng cà phê này bà H đã thanh toán tiền cho bà T thể hiện tại sổ theo thu và chi ngày 21/3/2016, khấu trừ khoản vay ngày 17/3/2016 (không có bà T ký) và bà T trả thêm 31.800.000 đồng, được xóa sổ nợ 100.000.000 đồng vào ngày 17/3/2016.

- Ngày 09/01/2017, Văn Thị T (con dâu bà H) nhận của bà T số lượng 1.526,3 kg cà phê sau đó quy chuẩn còn lại 1.506 kg cà phê nhân xô. Số cà phê này bà T đã bán được 67.000.000 đồng cần trừ vào số tiền của khoản 300.000.000 đồng, còn nợ lại 233.000.000 đồng.

- Đối số tiền 137.194.000 đồng, bà H nợ của bà T vào ngày 03/10/2016 là do bà T bán cà phê cho bà H, bà H đã thanh toán, cụ thể: Khấu trừ 50.000 đồng (xe cày vận chuyển), còn lại 137.194.000 đồng bà H đã thanh toán cho bà T trong ngày.

Bà T có đơn phản tố yêu cầu bà H giao trả lại 18.213,4 kg và 137.194.000 đồng, bà H không đồng ý.

Nay bà H đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị T phải trả cho bà H số tiền 633.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 15/01/2017 cho đến khi bà T trả hết nợ cho bà H. Còn yêu cầu phản tố của bà T thì bà H không chấp nhận vì đã thanh toán đầy đủ trước đó cho bà T, vì đây là các chứng từ bà H đã thanh toán nhưng tin bà T nên không thu hồi. Vì vậy bà T cố tình gian dối đưa ra yêu cầu khởi kiện ngược lại, nếu bà H còn nợ thì không có lý do gì bà T lại ký nhiều lần vay tiền bà T để đi tiếp tục thu mua cà phê về bán lại cho bà H và đề nghị Tòa án xét xử bác yêu cầu của bà T.

[2] Bị đơn bà Lê Thị T trình bày:

Tôi có quan hệ với bà Võ Thị H là hàng xóm và bạn hàng mua bán nông sản từ hơn 10 năm trở về trước (tôi không nhớ rõ năm).

Ngày 10/12/2016, tôi có vay của bà Võ Thị H số tiền 400.000.000 đồng, lãi suất 45%/tháng, không thời hạn, khi vay tôi có ký sổ cho bà H.

Ngày 05/01/2017, tôi vay tiếp của bà H số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất 45%/tháng, không thời hạn, khi vay tôi có ký sổ cho bà H.

Tổng số tiền là 700.000.000 đồng, số tiền này tôi thanh toán tiền cho bà H 20.000.000 đồng tiền gốc và 20.000.000 đồng tiền lãi, cụ thể:

- Ngày 09/01/2017, tôi thanh toán được 67.000.000 đồng, số tiền này bà H nhận.
- Ngày 25/02/2017, tôi thanh toán 10.000.000 đồng do anh Bạch Thanh K (con trai bà H nhận), có ký nhận.
- Ngày 06/5/2017, bà H nhận 10.000.000 đồng tiền (lãi).
- Ngày 18/5/2017, bà H nhận 10.000.000 đồng tiền (lãi).
- Không nhớ ngày tháng nhưng gần cuối năm 2017, bà H nhận tiếp 10.000.000 đồng tiền gốc.

Như vậy, tính đến ngày hôm nay tôi đã thanh toán cho bà H được 87.000.000 đồng tiền gốc và 20.000.000 đồng tiền lãi. Tôi còn nợ lại của bà H số tiền 613.000.000 đồng và lãi suất còn lại sau khi khấu trừ 20.000.000 đồng mà tôi đã thanh toán cho bà H.

Khi bà H yêu cầu tôi thanh toán số tiền trên, tôi chấp nhận nhưng yêu cầu bà H phải khấu trừ các khoản cà phê nhân xô mà tôi đã gửi cho bà H, cụ thể:

- Ngày 25/6/2013, anh Bạch Thanh K (con trai bà H) nhận của tôi số lượng 5.158 kg cà phê nhân xô;
- Ngày 25/5/2014, anh Bạch Thanh K (con trai bà H) nhận của tôi số lượng 2.995kg cà phê nhân xô.
- Ngày 25/10/2014, anh Bạch Thanh K (con trai bà H) nhận của tôi số lượng 2.120 kg cà phê nhân xô và 746 kg cà phê 7ly1.
- Ngày 26/7/2015, anh Bạch Thanh K (con trai bà H) nhận của tôi số lượng 5.521,8 kg cà phê nhân (Chưa quy chuẩn), theo như cách tính trong việc mua bán ghi tại phiếu nhận ngày 26/7/2015 thì mẫu vật 222,8, tạp chất 3.4, vượt tạp 1.52, như vậy quy chuẩn trừ đi 28,7kg còn lại 5.493 kg cà phê quy chuẩn. Số lượng này tôi đã bán cho bà H số lượng 1.300.000 đồng (Mỗi lần bán đều ghi vào một bên số lượng cà phê ký gửi), số còn lại 4.193 kg cà phê nhân xô tôi đang ký gửi, bà H chưa thanh toán.
- Ngày 21/3/2016, Văn Thị T (con dâu bà H) nhận của tôi số lượng 2.241,4 kg cà phê nhân xô.
- Ngày 09/01/2017, Văn Thị T (con dâu bà H) nhận của tôi số lượng 1.526,3 kg cà phê sau đó quy chuẩn còn lại 1.506 kg cà phê nhân xô.

Tổng số lượng tôi còn gửi tại đại lý của bà H chưa thanh toán là 18.213,4 kg cà phê nhân xô. Lý do tôi chưa bán cà phê số lượng trên là để cho cà phê lên giá, tôi mới bán, việc bà H cho rằng, tôi đã bán số lượng cà phê trên là không đúng. Bởi vì, tôi với bà H làm ăn lâu dài, mỗi lần bán cà phê hoặc trả tiền xong thì bà H đều gạch bỏ (ghi chữ “R”, chữ “Xong” hoặc “Gạch chéo”).

Trước thời điểm vay tiền, tôi đã nhiều lần đến nhà bà H yêu cầu bán cà phê nhân xô đang gửi tại nhà bà H, bà H yêu cầu tôi đưa giấy biên nhận cà phê gửi (bản gốc) thì bà sẽ thanh toán cho. Tại thời điểm đó do tôi chuyển nhà giấy cà phê gửi bị thất lạc nên không thanh toán được, bà H còn nói lại với tôi “Em yên tâm đi khi nào em tìm được mang lên chị thanh toán cho”.

Do vậy, ngày 10/12/2016 tôi mới vay tiền của bà H số tiền 400.000.000 đồng; Tiếp đến ngày 05/01/2017 tôi vay tiếp 300.000.000 đồng. Cả hai lần vay đều không thời hạn, lãi suất 4,5%/tháng/01 triệu, tổng số tiền tôi vay của bà H là 700.000.000 đồng. Sáng ngày 09/01/2017, tôi có chở cà phê đến nhà bà H bán, lúc này bà H hỏi tôi mượn lại 100.000.000 đồng, tôi lấy trong túi ra được 67.000.000 đồng. Tôi nói “Trả nợ cho chị luôn”, bà H ghi dưới “Giấy vay tiền” ngày 05/01/2017, như vậy khấu trừ trong số nợ 300.000.000 đồng, tôi còn nợ của bà H 233.000.000 đồng.

Đối với số nợ tôi vay ngày 10/12/2016 của bà H số tiền 400.000.000, tôi đã thanh toán được 20.000.000 đồng tiền gốc (cụ thể: Ngày 25/02/2017 anh K con bà H nhận 10.000.000 đồng; không nhớ ngày tháng nhưng bà H nhận 10.000.000 đồng), thanh toán được 20.000.000 đồng tiền lãi (cụ thể: Ngày 06/5/2017, bà H nhận 10.000.000 đồng; ngày 18/5/2017 bà H nhận 10.000.000 đồng). Như vậy số tiền tôi còn nợ bà H là 380.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền tôi còn nợ bà H là 613.000.000 đồng.

- Đối số tiền 137.194.000 đồng, bà H nợ của tôi vào ngày 03/10/2016 là do tôi bán cà phê cho bà H, bà H chưa thanh toán, do số tiền này nằm trong sổ nháp của tôi nhưng con tôi lại cầm giữ, tôi nghĩ rằng con tôi đã nhận của bà H số tiền này. Khi bà H khởi kiện đòi tiền vay, tôi mới tìm kiếm thì thấy chứng từ này bà H còn nợ tiền tôi, bà H có thừa nhận còn nợ của tôi nhưng đã thanh toán rồi, ý kiến của bà H đưa ra không có cơ sở, vì chưa ký nhận, chưa xóa sổ.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu tôi thanh toán số tiền nợ và lãi suất phát sinh, tôi chấp nhận thanh toán, nhưng bà H phải giao trả lại cho số lượng cà phê nhân xô là 18.213,4 kg, cà phê bi số lượng 746 kg và 137.190.000 đồng.

[3]. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Bạch Thanh K và chị Văn Thị T trình bày:

Chúng tôi là con trai và con dâu của bà Võ Thị H, việc mẹ chúng tôi mở cửa hàng buôn bán Cà phê thì chúng tôi có đứng ra giao dịch nhận thay mẹ tôi các lần như mẹ tôi trình bày, các lần ký nhận với bà Lê Thị T vợ chồng tôi đã trình bày đối chất tại Tòa án. Vợ chồng tôi xác nhận bà T còn nợ mẹ tôi tiền, chứ gia đình tôi không có nợ cà phê hay tiền của bà T nữa vì trước ngày 10/12/2016 gia đình tôi đã thanh

toán xong cho bà T nên mẹ tôi mới cho bà T vay tiền 02 lần tiền để tiếp tục thu mua cà phê.

Tại bản án dân sự sơ thẩm: 77/2018/DS - ST ngày 30/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 161, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H.

- Buộc bà Lê Thị T phải trả cho bà Võ Thị H số tiền 704.512.000 đồng; trong đó: Gốc 613.000.000 đồng và lãi 91.512.000 đồng tính đến ngày 30/10/2018 (theo giấy vay tiền ngày 10/12/2016 và giấy vay ngày 05/01/2017).

- Bác một phần yêu cầu đối với số tiền 20.000.000 đồng tiền gốc buộc bà T phải trả.

Áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án khi có đơn yêu cầu thi hành án.

- Bác yêu cầu phản tố của bà Lê Thị T yêu cầu khấu trừ số tiền 137.190.000 đồng tiền cà bi và 19.008,5 kg cà phê nhân xô bà H còn nợ vào số tiền bà T còn nợ bà H.

2. Về án phí và chi phí giám định: Bà Lê Thị T phải chịu 35.225.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 47.727.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với phần bị bác yêu cầu. Tổng cộng phải nộp: 82.952.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

Bà Lê Thị T còn phải nộp 5.760.000 tiền chi phí giám định chữ ký chữ viết được trừ vào số tiền bà T đã nộp theo biên lai số 55 ngày 22/5/2018.

Bà Võ Thị H phải nộp 1.000.000 đồng án phí DSST phần bị bác yêu cầu và được khấu trừ vào số tiền 14.660.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột theo biên lai thu số 0000271 ngày 23/8/2017. Hoàn trả lại bà H số tiền 13.660.000 đồng theo biên lai nói trên.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án cho các bên đương sự theo quy định pháp luật.

- Ngày 12/11/2018, bị đơn bà Lê Thị T làm đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 77/2018/DS - ST ngày 30/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc bà Võ Thị H phải trả cho bà Lê Thị T số lượng 18.213,4 kg cà phê nhân xô, 746 kg cà phê bi và 137.190.000 đồng. **Sau đó cản trở**

vào số tiền bà T vay nợ bà H theo yêu cầu khởi kiện của bà H, số tiền còn lại bà H phải trả cho bà T.

- Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk kháng nghị bản án dân sự sơ thẩm số: 77/2018/DS - ST ngày 30/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng:

Về quan hệ pháp luật đề nghị sửa lại là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng gửi giữ cà phê”.

Về nội dung: Xem xét lại số tiền 67.000.000 đồng bà H trả bà T không phải là tiền căn trừ số cà phê bà T nhập cho bà H ngày 09/01/2017 thành tiền mặt. Từ năm 2013 đến năm 2017 bà H chưa thanh toán cho bà T là 18.213,4 kg cà phê nhân xô, 746 kg cà phê bi và số tiền 137.190.000đ. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà T đối với số lượng cà phê tiền 137.190.000đ mà bà H chưa ký xác nhận trả cho bà T.

Về án phí: do sửa lại bản án sơ thẩm nên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đề nghị sửa lại phần án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm kháng nghị.

*** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:**

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về nội dung: Tại “Giấy mượn tiền” ngày 05/01/2017, T vay chị H 300.000.000 đồng, bên dưới nội dung có ghi “T trả chị H 67.000.000 đồng” nhưng trong “Giấy vay tiền” không ghi số tiền này căn trừ 1.506 kg cà phê nhân xô. Bởi vì tại giấy “H nợ ngày 09/01/2017”, chị Văn Thị T (con dâu bà H) ghi “9/1/17 H có nhận cà bi xay của cô T 1.526,3 kg trừ bì chưa QC chưa thanh toán”. Việc bà H khai rằng số tiền 67.000.000 đồng mà bà T trả cho bà H là do căn trừ số lượng cà phê nhập ngày 09/01/2017 là không có căn cứ. Số lượng cà phê các lần bà T gửi cho bà H từ năm 2013 đến năm 2015, bà H cho rằng ngày 25/7/2015 bà T cắt bán hết số lượng cà phê gửi, vì những lần bà T bán cà phê gửi và nhận tiền đều ký sổ. Đối với số tiền bà H còn nợ bà T số tiền 137.194.000 đồng vào ngày 03/10/2016, bà H xác nhận có nợ của bà T nhưng đã thanh toán xong. Qua lời trình bày của bà T cho rằng bà H chưa thanh toán, cũng như giấy ghi nợ tiền cà bi chưa được gạch xóa hay bà T ký xác nhận đã thanh toán. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk và kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị T, căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 BLTTDS sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 77/2018/DS - ST ngày 30/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo hướng chấp nhận đơn phản tố của bà Lê Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo của bị đơn và Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát trong hạn luật định, bị đơn đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng nghị của Viện trưởng - Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

[2.1] Về tố tụng: Đơn khởi kiện của bà H yêu cầu bà T thanh toán tiền nợ, bà T phản tố yêu cầu bà H phải giao trả số lượng cà phê nhân xô và tiền bán cà phê còn nợ lại. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản, như vậy còn thiếu quan hệ pháp luật từ đơn phản tố của bà T về việc gửi giữ cà phê. Xét thấy việc xác định quan hệ pháp luật còn thiếu cũng không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án, nhưng cần rút kinh nghiệm. Do vậy, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk có căn cứ cần được chấp nhận.

[2.2] Về nội dung: Tại “Giấy mượn tiền” ngày 05/01/2017, Thủy vay chị H 300.000.000 đồng, bên dưới nội dung có ghi “T trả chị H 67.000.000 đồng” nhưng trong “Giấy vay tiền” không ghi số tiền này cần trừ 1.506 kg cà phê nhân xô. Xét kháng nghị nội dung này của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk là có căn cứ cần chấp nhận, bởi vì tại giấy “H nợ ngày 09/01/2017”, chị Văn Thị T (con dâu bà H) có ghi “9/1/17 H có nhận cà bi xay của cô T 1.526,3 kg trừ bì chưa QC chưa thanh toán”. Việc bà H khai rằng số tiền 67.000.000 đồng mà bà T trả cho bà H là do cần trừ số lượng cà phê nhập ngày 09/01/2017 là không có căn cứ.

[2.3] Đối với số lượng cà phê các lần bà T gửi cho bà H từ năm 2013 đến năm 2015, bà H cho rằng ngày 25/7/2015 bà T cắt bán hết số lượng cà phê gửi là không có căn cứ. Bởi vì, những lần bà T bán cà phê gửi và nhận tiền đều ký sổ (tại BL 185).

[2.4] Đối với số tiền bà H còn nợ bà T số tiền 137.190.000 đồng vào ngày 03/10/2016, bà H xác nhận có nợ của bà T nhưng đã thanh toán xong. Qua lời trình bày của bà T cho rằng bà H chưa thanh toán, cũng như giấy ghi nợ tiền cà bi chưa được gạch xóa hay bà T ký xác nhận đã thanh toán. Do đó, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk là có cơ sở cần được chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo của bà Lê Thị T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Việc bà T yêu cầu bà Võ Thị H giao trả số lượng cà phê đang gửi tại nhà kho của bà H, cụ thể các lần:

- Ngày 25/6/2013, anh Bạch Thanh K (con trai bà H) nhận của bà T số lượng 5.158 kg cà phê nhân xô;

- Ngày 25/5/2014, anh Bạch Thanh K (con trai bà H) nhận của bà T số lượng 2.995kg cà phê nhân xô.

- Ngày 25/10/2014, anh Bạch Thanh K (con trai bà H) nhận của bà T số lượng 2.120 kg cà phê nhân xô và 746 kg cà phê 7ly1.

- Ngày 26/7/2015, anh Bạch Thanh K (con trai bà H) nhận của bà T số lượng 5.521,8 kg cà phê nhân (Chưa quy chuẩn), theo như cách tính trong việc mua bán ghi tại phiếu nhận ngày 26/7/2015 thì mẫu vật 222,8, tạp chất 3.4, vượt tạp 1.52, như vậy quy chuẩn trừ đi 28,8kg còn lại 5.493 kg cà phê quy chuẩn. Số lượng này bà T đã bán cho bà H số lượng 1.300.000 đồng (mỗi lần bán đều ghi vào một bên số lượng cà phê gửi), số còn lại 4.193 kg cà phê nhân xô bà T đang ký gửi mà bà H chưa thanh toán.

- Ngày 21/3/2016, Văn Thị T (con dâu bà H) nhận của bà T số lượng 2.241,4 kg cà phê nhân xô.

- Ngày 09/01/2017, Văn Thị T (con dâu bà H) nhận của bà T số lượng 1.526,3 kg cà phê sau đó quy chuẩn còn lại 1.506 kg cà phê nhân xô.

Tổng số lượng bà T yêu cầu bà H thanh toán là 18.213,4 kg cà phê nhân xô; 746 kg cà phê 7ly1 và 137.190.000 đồng.

Bà T cho rằng các lần bán cà phê hoặc vay mượn tiền hai bên thanh toán đều ký xác nhận, hoặc ghi chữ “R” hoặc gạch “Chéo” trên giấy có ghi số lượng cà phê gửi. Qua xem xét các chứng cứ bà T xuất trình thì các lần gửi cà phê trên chưa được bà T ký xác nhận đã bán, hoặc ghi chữ “R” hoặc gạch “Chéo” trên giấy có ghi số lượng cà phê gửi. Còn những lần gửi cà phê khác được bán hai bên thanh toán đều có ký nhận và có các ký hiệu xóa sổ. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có cung cấp sổ ghi chép theo dõi từ năm 2015 đến năm 2017 của bà T ký gửi chỉ có một mình phía bà H ghi không có bà T xác nhận. Còn sổ sách từ năm 2013 đến năm 2014 thì bà H không có để cung cấp cho Tòa án. Qua xem xét các chứng từ bà T cung cấp, xét thấy mỗi lần bà T bán, đều được bà H hoặc con của bà H ghi vào một bên giấy nhận cà phê gửi.

[3.2] Đối với số tiền 137.194.000 đồng, bà H xác nhận có nợ bà T ngày 03/10/2016 nhưng đã thanh toán xong. Qua lời trình bày của bà T cho rằng bà H chưa thanh toán, cũng như giấy ghi nợ tiền cả bị chưa được gạch xóa hay bà T ký xác nhận đã thanh toán. Do đó số tiền này bà H còn nợ bà T là có căn cứ.

Do đó, kháng cáo của bà T có căn cứ cần được chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 77/2018/DS - ST ngày 30/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo hướng chấp nhận đơn phản tố của bị đơn.

[4] Đối với số tiền 42.525.000 đồng mà bà T có khởi kiện tại đơn phản tố, tại Tòa án cấp sơ thẩm không đình chỉ một phần đơn phản tố đối với yêu cầu này là có phần thiếu sót. Nhưng xét thấy không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án, song cần rút kinh nghiệm.

[5] Do sửa án sơ thẩm nên phần án phí sơ thẩm cũng được sửa lại theo quy định của pháp luật, về số lượng cà phê tính án phí theo giá thị trường (33.000 đồng/kg).

[6] Về án phí DSPT: Do được chấp nhận kháng cáo nên bị đơn bà Lê Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự

- Chấp nhận đơn kháng cáo của bà Lê Thị T.
- Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 77/2018/DS - ST ngày 30/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

[2] Áp dụng Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ một phần đơn phản tố của bà Lê Thị T đối với số tiền 42.525.000 đồng.

[3] Áp dụng Điều 559, 564, 565 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 463, 464, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H và chấp nhận đơn yêu cầu phản tố của bà Lê Thị T.

+ Buộc bà Lê Thị T phải trả cho bà Võ Thị H số tiền 704.512.000 đồng; trong đó: Gốc 613.000.000 đồng và lãi 91.512.000 đồng (lãi tính đến ngày 30/10/2018).

+ Bác một phần yêu cầu của bà Võ Thị H đối với số tiền 20.000.000 đồng tiền gốc buộc bà T phải trả.

- Chấp nhận đơn phản tố của bà Lê Thị T

+ Buộc bà Võ Thị H phải giao trả cho bà Lê Thị T số lượng 18.213,4 kg cà phê nhân xô, 746 kg cà phê 7lyl và 137.194.000 đồng.

Áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất đối với khoản tiền chậm thi hành án khi có đơn yêu cầu thi hành án.

[3] Về án phí:

* Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lê Thị T phải chịu 32.180.480 đồng án phí dân sự có giá ngạch, được khấu trừ số tiền 20.955.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, theo biên lai số: AA/2017/0003346 ngày 14/3/2018. Bà T tiếp tục phải nộp tiếp 11.225.480 đồng (làm tròn 11.225.000 đồng).

- Võ Thị H phải chịu 35.514.168 đồng án phí dân sự có giá ngạch, được khấu trừ 14.660.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, theo biên lai số: AA/2017/0000271 ngày 23/8/2017. Bà H tiếp tục phải nộp tiếp 20.854.168 đồng (làm tròn 20.854.000 đồng).

* Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị T không phải chịu án phí phúc thẩm, hoàn trả cho bà Lê Thị T số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, theo biên lai số: AA/2017/0008478 ngày 13/11/2018.

Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

-VKSND tỉnh Đắk Lắk;

-TAND TP. BMT;

-CCTHADS TP. BMT;

-Các đương sự;

-.....

-Lưu.

(đã ký)

Lê Thị Tùng